

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A2.1
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Phan Đức An	10C3	100001	
2	Trần Nguyễn Châu Anh	10C2	100002	
3	Trần Gia Bảo	10C3	100003	
4	Đinh Thị Ngọc Bích	10C3	100004	
5	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	10C3	100005	
6	Nguyễn Thành Chung	10C2	100006	
7	Zul Ni Dah	10C2	100007	
8	Châu Tấn Đạt	10C3	100008	
9	Nguyễn Văn Đạt	10C2	100009	
10	Trần Minh Đạt	10C2	100010	
11	Trương Đình Đình	10C2	100011	
12	Nguyễn Văn Đức	10C3	100012	
13	Trần Minh Đức	10C3	100013	
14	Trần Lê Anh Hào	10C3	100014	
15	Lê Võ Ngọc Hân	10C2	100015	
16	Quách Thị Kim Hân	10C2	100016	
17	Đặng Thị Thanh Hậu	10C3	100017	
18	Đoàn Lâm Hiền Hòa	10C3	100018	
19	Văn Gia Hội	10C3	100019	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A2.2
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Ngọc Huệ	10C2	100020	
2	Lữ Phi Hùng	10C3	100021	
3	Nguyễn Lê Tấn Hùng	10C2	100022	
4	Trần Ngọc Huy	10C2	100023	
5	Vũ Quốc Huy	10C3	100024	
6	Bùi Lê Ngọc Huyền	10C2	100025	
7	Nguyễn Xuân Hương	10C2	100026	
8	Nguyễn Anh Khôi	10C2	100027	
9	Đào Tuấn Kiệt	10C3	100028	
10	Lưu Thị Thanh Kim	10C2	100029	
11	Đặng Thị Trúc Linh	10C2	100030	
12	Huỳnh Nguyên Long	10C2	100031	
13	Thi Lê Thành Long	10C2	100032	
14	Đoàn Thị Yến My	10C2	100033	
15	Nguyễn Trọng Nghĩa	10C2	100034	
16	Hồ Võ Trung Nguyên	10C2	100035	
17	Đỗ Ngọc Yên Nhi	10C3	100036	
18	Phạm Mai Uyên Nhi	10C3	100037	
19	Hoàng Thị Kim Như	10C2	100038	

**DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A2.3
NĂM HỌC 2019-2020**

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Huỳnh	Như	10C3	100039	
2	Nguyễn Thị Kim	Như	10C2	100040	
3	Vũ Thị Quỳnh	Như	10C3	100041	
4	Roh Sa	Ni	10C2	100042	
5	Lê Huỳnh	Phúc	10C3	100043	
6	Nguyễn Huỳnh Trọng	Phúc	10C3	100044	
7	Phan Hoàng	Phúc	10C2	100045	
8	Châu Nhã	Phương	10C3	100046	
9	Lê Bích	Phương	10C3	100047	
10	Nguyễn Minh	Quân	10C2	100048	
11	Đỗ Thị Như	Quỳnh	10C2	100049	
12	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10C3	100050	
13	Hoàng Thái	Son	10C2	100051	
14	Đỗ Quốc	Thái	10C3	100052	
15	Hà Minh	Thành	10C3	100053	
16	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	10C2	100054	
17	Nguyễn Minh	Thiện	10C3	100055	
18	Nguyễn Quốc	Thịnh	10C2	100056	
19	Phạm Hùng	Thịnh	10C3	100057	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A2.4
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Huỳnh Minh Thuận	10C2	100058	.
2	Huỳnh Thanh Thuận	10C2	100059	
3	Nguyễn Ngọc Anh Thư	10C3	100060	
4	Nguyễn Thị Kim Thư	10C3	100061	
5	Phạm Hoàng Anh Thư	10C2	100062	
6	Võ Thị Kim Thư	10C3	100063	
7	Nguyễn Trung Tính	10C3	100064	
8	Nguyễn Thị Ngọc Trân	10C3	100065	
9	Nguyễn Thị Tú Trinh	10C3	100066	
10	Nguyễn Thành Trung	10C2	100067	
11	Hoàng Xuân Trường	10C3	100068	
12	Bùi Lê Tuấn Tú	10C3	100069	
13	Phạm Anh Tuấn	10C2	100070	
14	Nguyễn Thị Thúy Vân	10C3	100071	
15	Trịnh Văn Vũ	10C2	100072	
16	Võ Nguyễn Tú Vy	10C3	100073	
17	Lê Hồng Xuân	10C3	100074	
18	Nguyễn Hoàng Yên	10C2	100075	
19	Nguyễn Thị Hồng Yên	10C2	100076	

TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC**DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A1****NĂM HỌC 2019-2020**

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Dương Quốc	An	10C1	100077	
2	Mai Hoàng	An	10C5	100078	
3	Nguyễn Thị Thúy	An	10C8	100079	
4	Phạm Đức	An	10C9	100080	
5	Đoàn Văn Hoàng	Anh	10C1	100081	
6	Nguyễn Bạch Như	Anh	10C4	100082	
7	Nguyễn Duy Hoàng	Anh	10C5	100083	
8	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	10C6	100084	
9	Nguyễn Nhật	Anh	10C4	100085	
10	Nguyễn Thanh Hoàng	Anh	10C1	100086	
11	Nguyễn Thị Kim	Anh	10C7	100087	
12	Phạm Thế	Anh	10C6	100088	
13	Vũ Lê Minh	Anh	10C8	100089	
14	Võ Phạm Ngọc	Ánh	10C6	100090	
15	La Thị Hồng	Ân	10C7	100091	
16	Thiều Minh	Ân	10C6	100092	
17	Trương Nguyễn Hoàng	Ân	10C9	100093	
18	Bùi Thái	Bảo	10C7	100094	
19	Lê Công	Bảo	10C7	100095	
20	Lê Hoài	Bảo	10C8	100096	
21	Tiêu Đình	Cẩn	10C1	100097	
22	Lê Thị Ngọc	Châm	10C5	100098	
23	Đặng Trần Ngọc	Châu	10C6	100099	
24	Trương Trâm Kim	Chi	10C4	100100	

TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC**DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A2****NĂM HỌC 2019-2020**

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Thu	Cúc	10C9	100101	
2	Mã Lê Thành	Danh	10C1	100102	
3	Võ Văn	Di	10C6	100103	
4	Nguyễn Ngọc	Diễm	10C8	100104	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	10C6	100105	
6	Trương Hoàng Khánh	Du	10C5	100106	
7	Lê Thị Thuỳ	Dung	10C5	100107	
8	Lưu Ngọc	Dung	10C5	100108	
9	Bùi Quốc	Dũng	10C1	100109	
10	Hạp Tiến	Duy	10C6	100110	
11	Trịnh Khánh	Duy	10C6	100111	
12	Hàng Thanh	Duyên	10C5	100112	
13	Lê Văn Tùng	Dương	10C5	100113	
14	Phạm Nguyễn Hồng	Đào	10C6	100114	
15	Dương Quốc	Đạt	10C1	100115	
16	Huỳnh Đỗ	Đạt	10C6	100116	
17	Lâm Phát	Đạt	10C7	100117	
18	Nguyễn Mạnh	Đạt	10C4	100118	
19	Nguyễn Tấn	Đạt	10C6	100119	
20	Phạm Tấn	Đạt	10C8	100120	
21	Phạm Tiến	Đạt	10C7	100121	
22	Đoàn Ngọc	Đồng	10C1	100122	
23	Nguyễn Huỳnh	Đức	10C7	100123	
24	Bùi Thị Bắc	Giang	10C6	100124	

TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC**DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A3****NĂM HỌC 2019-2020**

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	10C8	100125	
2	Nguyễn Thanh	Giàu	10C9	100126	
3	Trần Xuân	Giàu	10C8	100127	
4	Tổng Thị Cẩm	Hà	10C7	100128	
5	Giang Huỳnh Thanh	Hải	10C7	100129	
6	Nguyễn Huỳnh Đông	Hải	10C9	100130	
7	Huỳnh Hữu Chấn	Hào	10C1	100131	
8	Nguyễn Võ Minh	Hào	10C8	100132	
9	Đỗ Huỳnh Mỹ	Hân	10C7	100133	
10	Hồ Ngọc	Hân	10C6	100134	
11	Lê Hoàng Bảo	Hân	10C5	100135	
12	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	10C8	100136	
13	Trần Thị Kim	Hậu	10C7	100137	
14	Trương Võ	Hiệp	10C4	100138	
15	Đặng Trung	Hiếu	10C1	100139	
16	Phạm Minh	Hiếu	10C9	100140	
17	Nguyễn Minh	Hoàng	10C4	100141	
18	Nguyễn Xuân	Hoàng	10C9	100142	
19	Phạm Trương Minh	Hoàng	10C8	100143	
20	Tôn Huy	Hoàng	10C8	100144	
21	Nguyễn Thanh	Hùng	10C7	100145	
22	Dương Gia	Huy	10C5	100146	
23	Lê Hồ Minh	Huy	10C4	100147	
24	Lê Trần Minh	Huy	10C9	100148	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A1.1
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc Huy	10C1	100149	
2	Trần Đức Huy	10C8	100150	
3	Trương Quang Huy	10C9	100151	
4	Võ Gia Huy	10C4	100152	
5	Bùi Vĩnh Hưng	10C9	100153	
6	Phan Lê Vĩnh Hưng	10C4	100154	
7	Nguyễn Thị Ngọc Hương	10C6	100155	
8	Phạm Quỳnh Hương	10C9	100156	
9	Phạm Thị Thanh Hương	10C8	100157	
10	Cao Đỗ Nhất Khang	10C5	100158	
11	Lê Vĩnh Khang	10C6	100159	
12	Nguyễn Nhật Khang	10C4	100160	
13	Võ Thanh Trọng Khang	10C1	100161	
14	Huỳnh Ché Khanh	10C5	100162	
15	Nguyễn Chí Khanh	10C4	100163	
16	Nguyễn Gia Khánh	10C1	100164	
17	Trương Văn Trọng Khánh	10C8	100165	
18	Võ Minh Khánh	10C5	100166	
19	Đinh Minh Khôi	10C5	100167	
20	Nguyễn Thị Khuyên	10C4	100168	
21	Huỳnh Tuấn Kiệt	10C5	100169	
22	Lê Công Tuấn Kiệt	10C6	100170	
23	Phạm Văn Kiệt	10C7	100171	
24	Huỳnh Thị Thiên Kim	10C9	100172	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A1.2
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Lại Ngọc Hương Lan	10C4	100173	
2	Mo Ham Mad Layla	10C9	100174	
3	Nguyễn Quang Lâm	10C7	100175	
4	Vũ Tùng Lâm	10C6	100176	
5	Phạm Ngọc Lân	10C6	100177	
6	Lưu Vương Mỹ Linh	10C1	100178	
7	Nguyễn Ngọc Ánh Linh	10C4	100179	
8	Phan Trang Hoàng Linh	10C5	100180	
9	Trần Thị Cẩm Linh	10C9	100181	
10	Dương Tấn Lộc	10C7	100182	
11	Hoàng Đại Lộc	10C6	100183	
12	Hồ Thế Lộc	10C8	100184	
13	Phan Vĩnh Lộc	10C7	100185	
14	Trần Nguyễn Trường Lộc	10C8	100186	
15	Trần Phú Lộc	10C5	100187	
16	Nguyễn Hữu Luân	10C6	100188	
17	Trần Ngọc Ly Ly	10C5	100189	
18	Trần Trúc Ly	10C9	100190	
19	Huỳnh Thị Ngọc Mai	10C5	100191	
20	Lâm Tuyết My	10C5	100192	
21	Nguyễn Ngọc My	10C6	100193	
22	Nguyễn Trà My	10C4	100194	
23	Nguyễn Hoài Nam	10C9	100195	
24	Nguyễn Hoàng Nam	10C6	100196	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG A1.3
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Nam	10C9	100197	.
2	Tạ Hoàng Nam	10C9	100198	
3	Nguyễn Thị Xuân Nga	10C6	100199	
4	Phạm Mạnh Ngà	10C4	100200	
5	Bùi Thị Kim Ngân	10C7	100201	
6	Chu Hoàng Ngân	10C4	100202	
7	Lê Thanh Ngân	10C5	100203	
8	Nguyễn Ngọc Phương Ngân	10C7	100204	
9	Nguyễn Thị Bảo Ngân	10C6	100205	
10	Thái Bảo Nghi	10C5	100206	
11	Hà Trọng Nghĩa	10C8	100207	
12	Nguyễn Minh Nghĩa	10C1	100208	
13	Lâm Bảo Ngọc	10C8	100209	
14	Lê Hoài Ngọc	10C9	100210	
15	Nguyễn Bảo Ngọc	10C6	100211	
16	Phạm Kim Ngọc	10C7	100212	
17	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	10C8	100213	
18	Thái Văn Nguyên	10C8	100214	
19	Đỗ Trường Nhân	10C5	100215	
20	Phan Trọng Nhân	10C4	100216	
21	Đặng Thị Thảo Nhi	10C6	100217	
22	Đỗ Hương Nhi	10C9	100218	
23	Lê Tâm Nhi	10C6	100219	
24	Trương Minh Nhị	10C7	100220	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG C1
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Phạm Thị Hồng	Nhung	10C4	100221	
2	Cao Nguyễn Tú	Như	10C7	100222	
3	Nguyễn Thị Minh	Như	10C7	100223	
4	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10C4	100224	
5	Phan Thụy Quỳnh	Như	10C4	100225	
6	Ca Đoàn Ngọc	Nữ	10C5	100226	
7	Lý Thị Tú	Oanh	10C9	100227	
8	Nguyễn Hoàng Tấn	Phát	10C7	100228	
9	Nguyễn Lê Ngọc	Phát	10C1	100229	
10	Hồ Thanh	Phong	10C8	100230	
11	Nguyễn Khánh	Phong	10C9	100231	
12	Nguyễn Hoàng	Phố	10C6	100232	
13	Đỗ Hoàng	Phúc	10C8	100233	
14	Lê Thành	Phước	10C7	100234	
15	Trần Như	Phước	10C4	100235	
16	Đỗ Thanh	Phương	10C8	100236	
17	Lê Tấn	Phương	10C7	100237	
18	Nguyễn Thanh	Phương	10C4	100238	
19	Nguyễn Trần Như	Phương	10C5	100239	
20	Tô Ngọc Uyên	Phương	10C4	100240	
21	Huỳnh Nhật	Quang	10C9	100241	
22	Phạm Việt	Quang	10C5	100242	
23	Vũ Thị Như	Quỳnh	10C6	100243	
24	Nguyễn Thị	Quỳnh	10C6	100244	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG C2
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Phạm Lê Như Quỳnh	10C9	100245	
2	Bùi Văn Sang	10C8	100246	
3	Đặng Xuân Sang	10C9	100247	
4	Đỗ Lê Tấn Sang	10C9	100248	
5	Nguyễn Phúc Sang	10C5	100249	
6	Nguyễn Phạm Ngọc Sơn	10C9	100250	
7	Nguyễn Thái Sơn	10C1	100251	
8	Phạm Ngọc Sơn	10C8	100252	
9	Ngô Minh Tài	10C4	100253	
10	Hoàng Diên Tấn Tài	10C7	100254	
11	Lê Phước Tài	10C7	100255	
12	Nguyễn Danh Tài	10C5	100256	
13	Phạm Trọng Tấn Tài	10C8	100257	
14	Trần Dương Quốc Tài	10C9	100258	
15	Nguyễn Hữu Tân	10C8	100259	
16	Phạm Ngọc Tấn	10C9	100260	
17	Nguyễn Anh Thái	10C1	100261	
18	Nguyễn Hồng Thái	10C4	100262	
19	Nguyễn Hoàng Thanh	10C6	100263	
20	Lê Văn Thành	10C1	100264	
21	Hà Lê Thanh Thảo	10C5	100265	
22	Huỳnh Thị Thu Thảo	10C6	100266	
23	Bùi Nguyễn Xuân Thắng	10C1	100267	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG C3
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Chiến	Thắng	10C6	100268	
2	Trần Phú	Thiện	10C4	100269	
3	Nguyễn Phước	Thịnh	10C7	100270	
4	Nguyễn Trường	Thịnh	10C4	100271	
5	Huỳnh Thường	Thôi	10C4	100272	
6	Đỗ Thị Ngọc	Thu	10C7	100273	
7	Lê Hà Tấn	Thuận	10C4	100274	
8	Nguyễn Hữu	Thuận	10C5	100275	
9	Phan Trường Giang	Thủy	10C7	100276	
10	Huỳnh Anh	Thư	10C8	100277	
11	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	10C7	100278	
12	Phan Thị Anh	Thư	10C1	100279	
13	Quách Thị Minh	Thư	10C4	100280	
14	Nguyễn Hữu	Tiền	10C5	100281	
15	Huỳnh Gia	Tiền	10C1	100282	
16	Lê Văn	Tiến	10C5	100283	
17	Nguyễn Hoàng Trung	Tiền	10C1	100284	
18	Nguyễn Thanh	Tiến	10C9	100285	
19	Lê Trung	Tín	10C4	100286	
20	Lương Văn	Tình	10C8	100287	
21	Nguyễn Văn	Tính	10C7	100288	
22	Lại Đình	Toàn	10C5	100289	
23	Dương Thị Đoan	Trang	10C8	100290	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG C4
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Đoàn Nguyễn Yến Trân	10C7	100291	
2	Phan Văn Trí	10C6	100292	
3	Trương Trọng Trí	10C7	100293	
4	Âu Dương Trọng	10C1	100294	
5	Đỗ Minh Trọng	10C1	100295	
6	Lê Công Trúc	10C6	100296	
7	Trần Thị Thanh Trúc	10C9	100297	
8	Trần Thị Thu Trúc	10C8	100298	
9	Lê Quốc Trung	10C7	100299	
10	Trần Hữu Trục	10C1	100300	
11	Bùi Anh Tú	10C7	100301	
12	Huỳnh Cẩm Tú	10C5	100302	
13	Phạm Thanh Tú	10C9	100303	
14	Trần Thanh Tú	10C1	100304	
15	Đào Minh Tuấn	10C8	100305	
16	Nguyễn Đức Tuấn	10C1	100306	
17	Nguyễn Ngọc Giang Tuấn	10C8	100307	
18	Phạm Anh Tuấn	10C8	100308	
19	Võ Quang Tuấn	10C1	100309	
20	Vũ Nguyễn Anh Tuấn	10C9	100310	
21	Trần Thanh Tùng	10C4	100311	
22	Trần Văn Tùng	10C5	100312	
23	Vũ Phi Tùng	10C9	100313	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 - PHÒNG C2.4
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Doãn Uy	10C9	100314	
2	Bùi Vũ Yên Uyên	10C8	100315	
3	Tô Ngọc Phương Uyên	10C4	100316	
4	Trần Thị Thu Uyên	10C7	100317	
5	Nguyễn Thị Cẩm Vân	10C4	100318	
6	Sơn Thị Hồng Vân	10C9	100319	
7	Trương Ngọc Vân	10C9	100320	
8	Võ Lê Hoàng Vân	10C4	100321	
9	Nguyễn Quốc Vinh	10C4	100322	
10	Trần Quang Vinh	10C5	100323	
11	Đậu Trọng Vững	10C8	100324	
12	Dương Các Tường Vy	10C4	100325	
13	Lâm Tường Vy	10C7	100326	
14	Nguyễn Triệu Vy	10C8	100327	
15	Trần Đình Yên Vy	10C5	100328	
16	Huỳnh Dương Vỹ	10C1	100329	
17	Huỳnh Thị Như Ý	10C9	100330	
18	Lê Kiều Ngọc Như Ý	10C8	100331	
19	Nguyễn Ngọc Yên	10C6	100332	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 10 (HN)
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Đỗ Phúc Lộc	10C5	100333	